

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015



Tổng Giám đốc

Tạ Mạnh Cường

Kê toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		264,153,782,316	173,754,921,678
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	163,411,103,519	70,148,304,209
1. Tiền	111		33,533,809,503	18,367,541,704
2. Các khoản tương đương tiền	112		129,877,294,016	51,780,762,505
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75,019,748,286	63,396,958,329
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	67,971,182,340	53,488,208,995
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,821,813,635	4,618,614,714
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	5,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2,830,851,923	405,518,148
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(604,099,612)	(115,383,528)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14,056,251,006	12,944,679,371
1. Hàng tồn kho	141	V.8	14,056,251,006	12,944,679,371
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,666,679,505	27,264,979,769
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	967,735,749	152,005,077
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10,695,788,356	25,346,568,515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3,155,400	1,766,406,177
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		623,479,803,008	532,139,143,519
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,797,928,020	1,729,120,020
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,797,928,020	1,729,120,020
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		467,180,901,790	502,988,334,853
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	463,885,638,421	499,587,106,870
<i>Nguyên giá</i>	222		635,285,097,093	641,652,793,626
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(171,399,458,672)	(142,065,686,756)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,295,263,369	3,401,227,983
<i>Nguyên giá</i>	228		4,945,015,236	4,945,015,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,649,751,867)	(1,543,787,253)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	133,551,449,709	14,143,924,707
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		133,551,449,709	14,143,924,707
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,866,500	10,976,212,500
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	10,000,000,000	10,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	866,500	976,212,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10,948,656,989	2,301,551,439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	10,948,656,989	2,301,551,439
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		887,633,585,324	705,894,065,197

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		387,381,857,996	280,581,148,090
I. Nợ ngắn hạn	310		117,279,854,430	86,303,949,347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	25,000,092,155	19,471,210,881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	27,064,700	91,742,723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10,095,518,924	551,646,095
4. Phải trả người lao động	314		3,229,478,207	1,278,908,117
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	6,342,945,681	533,793,317
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	19,004,501,927	1,103,852,377
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	42,458,295,189	56,434,623,190
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	11,121,957,647	6,838,172,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		270,102,003,566	194,277,198,743
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	90,604,520,000	60,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	179,497,483,566	134,277,198,743
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

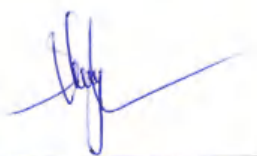
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

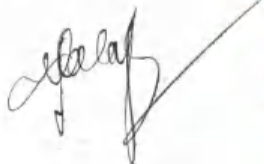
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		500,251,727,328	425,312,917,107
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	500,251,727,328	425,312,917,107
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,788,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,571,030,000)	(2,571,030,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		82,722,070,809	45,931,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		129,349,985,597	91,202,175,376
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19,138,046,376	91,202,175,376
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		110,211,939,221	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		887,633,585,324	705,894,065,197

Người lập biểu


Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 28 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc

**Tạ Mạnh Cường**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầu đủ)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	94,609,458,828	83,218,721,680	283,799,218,742	194,999,069,001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94,609,458,828	83,218,721,680	283,799,218,742	194,999,069,001
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44,545,999,454	52,619,439,041	147,073,298,965	107,426,822,792
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50,063,459,374	30,599,282,639	136,725,919,777	87,572,246,209
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,145,026,735	1,452,250,752	9,498,582,969	3,231,543,876
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,601,400,274	1,789,303,877	10,110,958,136	4,197,687,253
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,205,730,919	1,677,096,667	4,042,952,865	3,876,545,254
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3,956,814,471	2,737,856,596	13,196,398,133	5,290,295,562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43,650,271,364	27,524,372,918	122,917,146,477	81,315,807,270
11. Thu nhập khác	31	VI.6	413,376,909	22	503,364,701	23
12. Chi phí khác	32	VI.7	544,758,755	209,497,272	4,052,668,171	219,016,673
13. Lợi nhuận khác	40		(131,381,846)	(209,497,250)	(3,549,303,470)	(219,016,650)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43,518,889,518	27,314,875,668	119,367,843,007	81,096,790,620
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3,337,915,388	3,427,876,920	9,155,903,786	9,629,502,305
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40,180,974,130	23,886,998,748	110,211,939,221	71,467,288,315

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 28 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	119,367,843,007	81,096,790,620
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	44,303,799,490	28,209,620,285
- Các khoản dự phòng	03 VI.5	488,716,084	(67,295,411)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	7,437,531,579	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4,462,609,273)	(2,902,983,614)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	4,042,952,865	3,876,545,254
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	171,178,233,752	110,212,677,134
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4,619,131,717	(87,421,379,669)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1,111,571,635)	(10,809,941,955)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	62,472,258,192	79,988,975,216
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9,462,836,222)	(1,906,457,860)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3,978,800,501)	(3,664,084,373)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(3,700,000,000)	(1,797,529,521)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(4,300,215,000)	(3,371,991,100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	215,716,200,303	81,230,267,872
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(133,636,531,269)	(116,077,370,648)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2,090,909,091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	9,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3,196,610,000	-
7. Tiền thụ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,855,804,446	3,128,802,153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(122,493,207,732)	(103,948,568,495)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	52,006,352,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	67,479,574,712	58,082,376,872
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.18a	(44,248,330,694)	(13,987,440,550)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23,441,869,000)	(19,522,772,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(210,624,982)	76,578,516,322
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	93,012,367,589	53,860,215,699
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	70,148,304,209	58,979,252,792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	250,431,721	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	163,411,103,519	112,839,468,491

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 28 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Cảng Hải An có trụ sở chính tại Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cung cấp dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ Phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các qui định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty như sau:

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi là “BCC”) đã được ký kết quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ. Theo đó Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác, cụ thể:

- Ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC; Lãi trên cổ phiếu và các chỉ tiêu phân tích tài chính chỉ được tính đối phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận được trình bày trên Báo cáo kết quả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hoạt động kinh doanh; Công ty cung cấp bản sao các hồ sơ, tài liệu về việc đã thực hiện nghĩa vụ với NSNN của BCC cho các bên trong BCC để phục vụ việc quyết toán thuế của các bên khác trong BCC;

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán chỉ bao gồm phần lợi nhuận sau thuế tương ứng của từng bên được hưởng.
- Các bên khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 29 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 6 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau với nguyên vật liệu, hàng hóa nguyên vật liệu, hàng hóa; bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản cố định. Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (35 năm).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	208,299,104	194,049,818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33,324,284,805	18,173,491,886
Tiền đang chuyển	1,225,594	-
Các khoản tương đương tiền	129,877,294,016	51,780,762,505
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	<i>129,877,294,016</i>	<i>51,780,762,505</i>
Cộng	163,411,103,519	70,148,304,209

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500		866.500	976.212.500		976.212.500
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải ⁽ⁱⁱ⁾	864.000		864.000	976.210.000		976.210.000
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	2.500		2.500
Cộng	10.000.866.500		10.000.866.500	10.976.212.500		10.976.212.500

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

(ii) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 3.000 cổ phiếu với giá mua là 12.000 và bán 269.600 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải với giá bán là 12.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 72 cổ phiếu (số đầu năm là 266.672 cổ phiếu).

Giao dịch với công ty con và các đơn vị đầu tư góp vốn:

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Cảng Hải An là công ty con như sau:

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Phải thu về hoạt động khai thác cảng	4,834,640,890	
Phải trả về hoạt động khai thác cảng	1,407,827,753	3,029,626,826
Phải trả về hoạt động khai thác tàu	3,607,507,195	2,337,002,746
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	279,155,879	64,116,473
Trả gốc vay	200,000,000	150,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	12,517,887,564	7,868,602,609
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn	717,100,000	326,000,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn tại Hà Nội	370,474,500	7,500,000
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	170,200,000	95,400,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	47,000,000	9,300,000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng (MHC Hải Phòng)	18,000,000	47,600,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	197,770,977	1,177,546,058
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	812,224,642	4,780,087,242
Công ty TNHH Cảng Hải An	10,185,117,445	1,425,169,309
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	55,453,294,776	45,619,606,386
Chi nhánh công ty CP giao nhận vận tải Ngoại thương tại HP	8,071,913,375	7,146,947,222
Pendulum Express Lines Pte Ltd	7,991,240,656	14,568,236,315
YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	6,390,114,744	4,266,281,236
Các khách hàng khác	33,000,026,001	19,638,141,613
Cộng	67,971,182,340	53,488,208,995

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	4,821,813,635	4,618,614,714
Công ty Cổ phần Bê tông Vínacorex Phan Vũ	1,464,220,000	1,464,220,000
Công ty Kirow Ardelt AG		515,789,082
Man Diesel anh Turbo Danish Branch of Man Diesel And Turbo Se, Germany		740,669,367
Trung tâm tư vấn Phát triển Công nghệ Xây dựng Hàng hải		700,000,000
Trung tâm xúc tiến đầu tư - Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng		450,000,000
Forkliftcenter E.V	2,320,641,960	
Các nhà cung cấp khác	1,036,951,675	747,936,265
Cộng	4,821,813,635	4,618,614,714

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà vay ngắn hạn với thời gian 9 tháng và lãi suất 6%/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2,830,851,923	-	405,518,148	-
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn	166,220,157	-	-	-
Các khoản chi hộ	62,523,835	-	176,835,794	-
Lãi dự thu	140,556,190	-	113,284,614	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2,461,551,741	-	115,397,740	-
Ký cược, ký quỹ	2,162,645,000	-	30,740,000	-
Tạm ứng	208,880,000	-	-	-
Phải thu tiền bán chứng chỉ quỹ	-	-	40,499,751	-
Cộng	2,830,851,923	-	405,518,148	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,797,928,020	-	1,729,120,020	-
Ký cược, ký quỹ	1,797,928,020	-	1,729,120,020	-
Cộng	1,797,928,020	-	1,729,120,020	-

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Vận Tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65.089.486	-	2 năm	65.089.486	19.526.846
Công ty TNHH Vận tải Thương Mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99.744.126	-	2 năm	99.744.126	29.923.238
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ - phải thu tiền ứng trước thực hiện hợp đồng.	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.464.220.000	1.024.954.000	-	-	-
Cộng		1.629.053.612	1.024.954.000		164.833.612	49.450.084

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	115.383.528		115.383.528
Trích lập dự phòng bổ sung	488.716.084		488.716.084
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối kỳ	604.099.612		604.099.612

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			974,139,128	
Nguyên liệu, vật liệu	14,056,251,006		11,970,540,243	
Cộng	14,056,251,006	-	12,944,679,371	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	708,589,000	152,005,077
Vật tư, phụ tùng sửa chữa tàu	243,534,779	-
Chi phí CCDC	15,611,970	-
Cộng	967,735,749	152,005,077

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị	2,603,426,402	2,247,911,439
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	7,807,575,636	-
Công cụ dụng cụ khác	537,654,951	53,640,000
Cộng	10,948,656,989	2,301,551,439

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	198,406,043,461	255,835,948,859	187,377,301,306	33,500,000	641,652,793,626
Mua trong kỳ		12,925,015,786	1,262,354,117	41,636,364	14,229,006,267
Thanh lý, nhượng bán		(20,596,702,800)			(20,596,702,800)
Số cuối kỳ	198,406,043,461	248,164,261,845	188,639,655,423	75,136,364	635,285,097,093

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	55,174,858,865	78,657,572,419	8,199,755,472	33,500,000	142,065,686,756
Khấu hao trong kỳ	9,601,271,361	19,982,298,775	14,605,012,212	9,252,528	44,197,834,876
Phân loại lại hao mòn lũy kế		(85,707,188)	85,707,188		-
Thanh lý, nhượng bán		(14,864,062,960)			(14,864,062,960)
Số cuối kỳ	64,776,130,226	83,690,101,046	22,890,474,872	42,752,528	171,399,458,672

Giá trị còn lại

Số đầu năm	143,231,184,596	177,178,376,440	179,177,545,834	-	499,587,106,870
Số cuối kỳ	133,629,913,235	164,474,160,799	165,749,180,551	32,383,836	463,885,638,421

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4,945,015,236	1,543,787,253	3,401,227,983
Tăng trong kỳ		105,964,614	
Giảm trong kỳ			(105,964,614)
Số cuối kỳ	4,945,015,236	1,649,751,867	3,295,263,369

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển tăng chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	10,625,015,786	136,603,169,736	(15,515,296,630)		131,712,888,892
Xây dựng cơ bản dở dang	793,106,272	1,045,454,545	-	-	1,838,560,817
<i>Cải tạo mở rộng cầu cảng</i>	793,106,272	1,045,454,545			1,838,560,817
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2,725,802,649	7,684,298,199		(10,410,100,848)	-
Cộng	14,143,924,707	145,332,922,480	(15,515,296,630)	(10,410,100,848)	133,551,449,709

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	561,645,560	4,970,972,516
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	9,330,000	1,360,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn tại Hà Nội	32,890,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	86,250,000	37,380,000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng (MHC Hải Phòng)	-	190,750,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	4,741,482,516

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	126,104,093	-
Công ty Cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải	307,071,467	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	24,438,446,595	14,500,238,365
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	4,395,930,129	2,658,172,796
South Horisons International Petroleum (S) Pte Ltd	7,702,495,210	5,003,457,207
Các nhà cung cấp khác	12,340,021,256	6,838,608,362
Cộng	25,000,092,155	19,471,210,881

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	27,064,700	91,742,723
Công ty Cổ phần Thương mại An Mỹ Đức	-	19,200,000
Công ty CP Thương mại và Hàng Hải Sài Gòn	-	10,000,000
Công ty TNHH TM và giao nhận Tùng Đạt	-	20,800,000
Công ty TNHH Zen Phương Hoàng	-	28,800,000
Công ty Cổ phần Cảng rau quả	19,800,000	-
Công ty TNHH thương mại vận tải Thành Long Phát	1,000,000	-
Công ty TNHH SX và TM Minh Tân	1,300,000	-
Các khách hàng khác	4,964,700	12,942,723
Cộng	27,064,700	91,742,723

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			92,396,120	(92,396,120)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu		3,155,400	988,000	(988,000)	-	3,155,400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17,859,217	1,763,250,777	14,548,331,217	(3,700,000,000)	9,102,939,657	-
Thuế thu nhập cá nhân	533,786,878		1,619,691,954	(1,504,616,505)	648,862,327	-
Tiền thuê đất			483,116,177	(139,399,237)	343,716,940	-
Các loại thuế khác			3,000,000	(3,000,000)	-	-
Cộng	551,646,095	1,766,406,177	16,747,523,468	(5,440,399,862)	10,095,518,924	3,155,400

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty Cổ Phần vận tải và xếp dỡ Hải An được hưởng thuế suất ưu đãi: 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43,518,889,518	27,314,875,668
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	280,403,240	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	280,403,240	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	43,799,292,758	27,314,875,668
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	43,799,292,758	27,314,875,668
- Hoạt động khai thác cảng	37,046,640,416	23,467,233,885
- Hoạt động khai thác tàu	6,752,652,342	3,847,641,783
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9,635,844,109	6,009,272,647
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(4,445,596,850)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1,852,331,871)	(2,581,395,727)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3,337,915,388	3,427,876,920
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Thuế TNDN nộp hộ các bên liên doanh	1,980,546,946	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5,318,462,334	3,427,876,920

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>51,000,000</i>	<i>306,000,000</i>
Phụ cấp hội đồng quản trị, ban kiểm soát	51,000,000	306,000,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6,291,945,681</i>	<i>227,793,317</i>
Chi phí lãi vay phải trả	291,945,681	227,793,317
Chi phí khác	6,000,000,000	-
Cộng	6,342,945,681	533,793,317

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>18,804,343,493</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn (TMS)	6,269,211,473	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức (MLA)	4,702,731,335	-
Công ty Cổ phần MHC	3,132,960,274	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	3,132,960,274	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	1,566,480,137	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>200,158,434</i>	<i>1,103,852,377</i>
Kinh phí công đoàn	5,900,925	-
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	57,839,545	5,543,057
Nhận đặt cọc tiền mua tài sản thanh lý	-	10,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130,480,000	633,220,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5,937,964	455,089,320
Cộng	19,004,501,927	1,103,852,377

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	24,688,620,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn	32,915,900,000	20,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	14,500,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần MHC	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	8,500,000,000	5,000,000,000
Cộng	90,604,520,000	60,000,000,000

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2,042,320,325	2,042,320,325	4,392,320,325	4,392,320,325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	2,042,320,325	2,042,320,325	4,392,320,325	4,392,320,325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	40,415,974,864	40,415,974,864	52,042,302,865	52,042,302,865
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	26,339,523,967	26,339,523,967	38,129,251,080	38,129,251,080
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	8,745,135,000	8,745,135,000	8,850,078,000	8,850,078,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5,331,315,897	5,331,315,897	5,062,973,785	5,062,973,785
Cộng	42,458,295,189	42,458,295,189	56,434,623,190	56,434,623,190

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 05/01/2008 của Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng do chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan					
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	4,392,320,325	-	-	(2,350,000,000)	2,042,320,325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác					
Vay dài hạn đến hạn trả	52,042,302,865	28,577,362,349	1,694,640,344	(41,898,330,694)	40,415,974,864
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	38,129,251,080	19,472,381,227	1,048,826,777	(32,310,935,117)	26,339,523,967
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	8,850,078,000	5,656,560,000	404,007,000	(6,165,510,000)	8,745,135,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5,062,973,785	3,448,421,122	241,806,567	(3,421,885,577)	5,331,315,897
Cộng	56,434,623,190	28,577,362,349	1,694,640,344	(44,248,330,694)	42,458,295,189

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	51,351,719,320	51,351,719,320	67,800,460,130	67,800,460,130
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	103,266,290,740	103,266,290,740	39,474,212,398	39,474,212,398
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hải Phòng (iii)	24,879,473,506	24,879,473,506	27,002,526,215	27,002,526,215
Cộng	179,497,483,566	179,497,483,566	134,277,198,743	134,277,198,743

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 251.2010.HĐTD ngày 20/05/2010, số tiền vay 6.000.000 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, lãi suất 7,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014, số tiền 2.500.000 USD, mục đích bổ sung vốn mua tàu Container, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng, lãi suất 4,5%/năm tại thời điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

giải ngân. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng /lần, các kỳ sau điều chỉnh bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau do Bảo Việt Bank công bố cộng biên độ 3,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn: 6 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại lãi trả sau + lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn USD tại thời điểm thay đổi lãi suất theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là 01 hệ thống cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc: 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, Lãi suất cho vay là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại trả lãi sau+ lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/09/2015 với số tiền 3.000.000 USD, mục đích mua tàu HAIAN TIME, thời hạn vay 60 tháng, ân hạn 3 tháng, lãi suất năm đầu tiên áp dụng 3,8%/năm, những năm tiếp theo áp dụng bằng lãi suất Libor kỳ hạn 06 tháng + 3,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là tàu container HAIAN TIME.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay: 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu CAPE SANTIAGO, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với USD của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được quy định bởi TPBank tại từng thời kỳ theo đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu CAPE SANTIAGO.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	77,691,243,287	26,339,523,967	51,351,719,320	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	112,011,425,740	8,745,135,000	103,266,290,740	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	30,210,789,403	5,331,315,897	24,879,473,506	
Cộng	219,913,458,430	40,415,974,864	179,497,483,566	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Số đầu năm**

Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	105,929,711,210	38,129,251,080	67,800,460,130	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	48,324,290,398	8,850,078,000	39,474,212,398	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	32,065,500,000	5,062,973,785	27,002,526,215	
Cộng	186,319,501,608	52,042,302,865	134,277,198,743	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng khác do chênh lệch tỷ giá	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	67,800,460,130		3,023,640,417	(19,472,381,227)	51,351,719,320
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	39,474,212,398	67,530,000,000	1,918,638,342	(5,656,560,000)	103,266,290,740
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	27,002,526,215		1,325,368,413	(3,448,421,122)	24,879,473,506
Cộng	134,277,198,743	67,530,000,000	6,267,647,172	(28,577,362,349)	179,497,483,566

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3,254,828,213	4,905,000,000	2,485,215,000	5,674,613,213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3,583,344,434	3,679,000,000	1,815,000,000	5,447,344,434
Cộng	6,838,172,647	8,584,000,000	4,300,215,000	11,121,957,647

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231,962,320,000	38,385,998,922	(36,575,000,000)	22,193,875,604	59,385,708,875	315,352,903,401
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	126,209,330,587	126,209,330,587
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	20,402,382,000	34,003,970,000			54,406,352,000
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(65,116,990,000)	(65,116,990,000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	23,737,195,205	(29,275,874,086)	(5,538,678,881)
Số dư cuối năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	45,931,070,809	91,202,175,376	425,312,917,107

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư đầu năm nay	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	45,931,070,809	91,202,175,376	425,312,917,107
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	110,211,939,221	110,211,939,221
Trích lập các quỹ	-	-	-	36,791,000,000	(45,375,000,000)	(8,584,000,000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(22,939,129,000)	(22,939,129,000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	-	-	-	(3,750,000,000)	(3,750,000,000)
Số dư cuối kỳ này	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	82,722,070,809	129,349,985,597	500,251,727,328

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	257.103	257.103
- Cổ phiếu phổ thông	257.103	257.103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu phổ thông	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 0604-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Quỹ đầu tư phát triển (*)	: 24.527.000.000
• Quỹ dự phòng tài chính (*)	: 12.264.000.000
• Quỹ HDQT	: 3.679.000.000
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 4.905.000.000

(*) Được hạch toán chung vào tăng quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại TT 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 0604-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Công ty cũng đã phê duyệt tiếp tục chia cổ tức năm 2014 cho các cổ đông với mức 1.000 VND/cổ phiếu.

Nghị quyết hội đồng quản trị Công ty số 0208/2015/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2015 phê duyệt tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2015 với mức 2.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	200,653,200	254,291,400
Trên 1 năm đến 5 năm	334,422,000	381,437,100
Cộng	<u>535,075,200</u>	<u>635,728,500</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại số 45 Triệu Việt Vương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 33 USD/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	371,335.72	189,655.88
Euro (EUR)	46.02	46.11

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động cảng	59,739,950,988	38,244,990,014
Doanh thu hoạt động tàu	34,869,507,840	44,973,731,666
Cộng	<u>94,609,458,828</u>	<u>83,218,721,680</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2a. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, như sau:

	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	768,363,636	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	59,454,543	
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	1,645,999,992	2,030,818,174
Chi nhánh Công ty CP Transimex Sài Gòn tại Hà Nội		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	570,387,727	66,454,545
Công ty Cổ Phần Hải Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	708,636,363	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	2,940,076,972	7,020,047,362
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	138,791,944	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	653,429,850	2,340,757,867
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	157,022,273	17,370,000
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	2,922,312,555	755,264,494
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	40,999,998	80,818,182

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	18,374,637,072	12,503,739,863
Giá vốn của hoạt động tàu	26,171,362,382	40,115,699,178
Cộng	44,545,999,454	52,619,439,041

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,155,730,651	1,276,209,965
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28,814,952	29,197,006
Lãi tiền cho vay	209,802,368	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	559,977,166	146,843,781
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	190,701,598	-
Cộng	2,145,026,735	1,452,250,752

4. Chi phí tài chính

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1,205,730,919	112,207,210
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	234,721,440	1,677,096,667
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3,160,947,915	-
Cộng	4,601,400,274	1,789,303,877

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2,402,804,345	1,114,670,987
Chi phí vật liệu quản lý	29,873,189	63,223,439
Chi phí đồ dùng văn phòng	57,259,676	10,545,642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151,739,334	212,382,572

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế, phí và lệ phí	383,000	31,558,842
Dự phòng phải thu khó đòi	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	364,722,298	365,849,476
Các chi phí khác	950,032,629	754,208,008
Cộng	3,956,814,471	2,552,438,966

6. Thu nhập khác

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	409,090,909	-
Thu nhập khác	4,286,000	22
Cộng	413,376,909	22

7. Chi phí khác

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	544,758,742	209,497,272
Chi phí khác	13	
Cộng	544,758,755	209,497,272

Lợi nhuận sau thuế của quý 3/2015 tăng 68.21 % so với quý 3/2014 là do những nguyên nhân sau:

- Quý 3/2014 công ty đầu tư và khai thác 01 tàu container, quý 3/2015 đầu tư và khai thác 02 tàu dẫn đến lợi nhuận hoạt động khai thác tàu tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Từ cuối năm 2014 công ty cũng đầu tư thiết bị hợp lý cho Cảng nên năng lực khai thác cho hoạt động cảng tăng, sản lượng qua cảng tăng dẫn tới doanh thu và lợi nhuận khai thác cảng quý 3 năm nay đều tăng so với quý 3 năm trước.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	1,490,582,736	520,000,000
Cộng	1,490,582,736	520,000,000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần MHC	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ phần MHC - Cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	813,700,000	
Trả cổ tức		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	21,500,000	
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	2,398,400,000	3,121,312,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	10,290,909	41,631,819
Thanh toán tiền dịch vụ	1,990,000	
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		
Trả cổ tức		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty CP Transimex Sài Gòn tại Hà Nội

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	283,452,000	73,100,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	33,700,000	
Thanh toán tiền dịch vụ	74,140,000	

Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà

Thu tiền cho vay	5,000,000,000	
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	152,460,000	
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	249,434,251	133,480,776

Công ty Cổ Phần MHC

Cho vay
Tạm ứng tiền cổ tức bù trừ với khoản cho vay
Trả cổ tức

Trả cổ tức bù trừ với gốc cho vay và lãi vay

Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	279,155,879	64,116,473
Thanh toán tiền dịch vụ		70,528,121
Trả gốc vay	200,000,000	150,000,000

Công ty Cổ Phần Hải Minh

Thu tiền cung cấp dịch vụ 841,400,000

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu 3,780,651,117
Bù trừ công nợ 3,234,084,671

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An

Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu 84,818,181 105,281,817
Thanh toán tiền dịch vụ 26,600,000 12,060,000

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

Thu tiền cung cấp dịch vụ 909,750,513 3,028,435,324

Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng

Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu 96,400,000

Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng

Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu 102,000,000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	166,505,595,904	117,293,622,838	283,799,218,742
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	166,505,595,904	117,293,622,838	283,799,218,742
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	114,707,507,036	22,018,412,741	136,725,919,777
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(13,196,398,133)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			123,529,521,644
Doanh thu hoạt động tài chính			9,498,582,969
Chi phí tài chính			(10,110,958,136)
Thu nhập khác			503,364,701
Chi phí khác			(4,052,668,171)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9,155,903,786)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			110,211,939,221
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5,866,834,997	141,372,989,740	147,239,824,737
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	32,376,259,995	15,203,378,679	47,579,638,674
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	126,189,850,163	68,809,218,838	194,999,069,001
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	126,189,850,163	68,809,218,838	194,999,069,001
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	79,690,688,916	7,881,557,293	87,572,246,209
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5,290,295,562)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			82,281,950,647
Doanh thu hoạt động tài chính			3,231,543,876
Chi phí tài chính			(4,197,687,253)
Thu nhập khác			23
Chi phí khác			(219,016,673)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9,629,502,305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			71,467,288,315
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	20,979,140,149	93,500,082,119	114,479,222,268
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	25,557,300,788	3,594,223,587	29,151,524,375
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	364,477,454,030	319,996,550,433	684,474,004,463
Tài sản phân bổ cho bộ phận	2,642,843,788	12,381,142,967	15,023,986,755
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			188,135,594,106
Tổng tài sản			887,633,585,324
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	81,613,758,786	281,321,144,432	362,934,903,218
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			24,446,954,778
Tổng nợ phải trả			387,381,857,996
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	384,474,512,220	190,764,571,049	575,239,083,269
Tài sản phân bổ cho bộ phận	8,656,558,420	6,741,677,467	15,398,235,887
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			115,256,746,041
Tổng tài sản			705,894,065,197

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	109,431,993,544	161,476,001,993	270,907,995,537
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	564,666,613	439,759,081	1,004,425,694
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8,668,726,859
Tổng nợ phải trả			280,581,148,090

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ					
Đầu tư ngắn hạn	120	5.000.000.000	(5.000.000.000)		(i)
Phải thu cho vay ngắn hạn	135		5.000.000.000	5.000.000.000	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	374.778.148	30.740.000	405.518.148	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	30.740.000	(30.740.000)		(ii)
Phải thu dài hạn khác	216		1.729.120.020	1.729.120.020	(iii)
Tài sản dài hạn khác	268	1.729.120.020	(1.729.120.020)		(iii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	30.255.263.536	15.675.807.273	45.931.070.809	(iv)

(i) Đầu tư ngắn hạn và phải thu cho vay ngắn hạn

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu đầu tư ngắn hạn trên Bảng CĐKT không bao gồm số dư khoản cho vay ngắn hạn (Sau đây được trình bày trên chỉ tiêu “phải thu cho vay ngắn hạn”).

(ii) Phải thu ngắn hạn khác và tài sản ngắn hạn khác

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác trên Bảng CĐKT không bao gồm số dư Tài khoản tạm ứng(Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác”).

(iii) Phải thu dài hạn khác và tài sản dài hạn khác

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu dài hạn khác trên Bảng CĐKT bao gồm số dư Tài khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “tài sản dài hạn khác”).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(iv) Quỹ đầu tư phát triển

Do theo chế độ kế toán mới thi không còn chi tiêu Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng CĐKT, công ty trình bày số dư của Quỹ dự phòng tài chính cộng vào số liệu của chi tiêu Quỹ đầu tư phát triển.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty là bên liên quan vay tiền. Công ty này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	163,411,103,519				163,411,103,519
Phải thu khách hàng	67,806,348,728			164,833,612	67,971,182,340
Các khoản cho vay	-				-
Các khoản phải thu khác	4,253,679,786				4,253,679,786
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866,500				866,500
Cộng	235,471,998,533	-	-	164,833,612	235,636,832,145
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	70,148,304,209				70,148,304,209
Phải thu khách hàng	53,323,375,383			164,833,612	53,488,208,995
Các khoản cho vay	5,000,000,000				5,000,000,000
Các khoản phải thu	2,134,638,168				2,134,638,168

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

khác					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	976,212,500			976,212,500	
Cộng	131,582,530,260	-	-	164,833,612	131,747,363,872

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	42,458,295,189	179,497,483,566		221,955,778,755
Phải trả người bán	25,000,092,155			25,000,092,155
Các khoản phải trả khác	18,839,463,329	90,604,520,000		109,443,983,329
Cộng	86,297,850,673	270,102,003,566	-	356,399,854,239
Số đầu năm				
Vay và nợ	56,434,623,190	134,277,198,743		190,711,821,933
Phải trả người bán	19,471,210,881			19,471,210,881
Các khoản phải trả khác	1,098,309,320	60,000,000,000		61,098,309,320
Cộng	77,004,143,391	194,277,198,743	-	271,281,342,134

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho kinh doanh dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	371,335.72	46.02	189,655.88	46.11
Phải thu khách hàng	1,646,186.87		1,981,852.39	
Vay và nợ	(9,768,056.85)		(8,715,887.11)	
Phải trả người bán	(404,586.28)	(1,897.50)	(267,449.92)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(8,155,120.54)	(1,851.48)	(6,811,828.76)	46.11

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2%/năm thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.713.044.858 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 687.201.303 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	VND	USD	EUR	VND	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,986,645,550	371,335.72	46.02	14,118,038,048	189,655.88	46.11
Vay và nợ	(2,042,320,325)	(9,768,056.85)		(4,392,320,325)	(8,715,887.11)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	22,944,325,225	(9,396,721.13)	46.02	9,725,717,723	(8,526,231)	46.11

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	163,411,103,519	70,148,304,209	163,411,103,519	70,148,304,209
Phải thu khách hàng	67,971,182,340	53,488,208,995	67,806,348,728	53,372,825,467
Các khoản cho vay	-	5,000,000,000	-	5,000,000,000
Các khoản phải thu khác	4,253,679,786	2,134,638,168	4,253,679,786	2,134,638,168
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866,500	976,212,500	866,500	976,212,500
Cộng	235,636,832,145	131,747,363,872	235,471,998,533	131,631,980,344
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	221,955,778,755	190,711,821,933	221,955,778,755	190,711,821,933
Phải trả người bán	25,000,092,155	19,471,210,881	25,000,092,155	19,471,210,881
Các khoản phải trả khác	109,443,983,329	61,098,309,320	109,443,983,329	61,098,309,320
Cộng	356,399,854,239	271,281,342,134	356,399,854,239	271,281,342,134

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch. Công ty sử dụng phương pháp và giá định giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

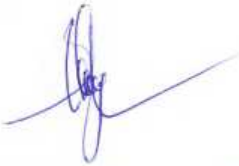
phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2015



Trần Thị Thanh Hào
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc